

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 67/2020/DS-ST

Ngày: 06 – 7 – 2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Hằng

Bà Hồ Thị Út

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thảo Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Bé B, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Khu vực X, phường TA, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- Bị đơn: Nguyễn Thị N, sinh năm: 1954

Địa chỉ: Khu vực X, phường TA, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Phan Thị Bé B trình bày: Năm 2010 bà Bé B có cho bà N vay tiền nhiều lần, đến ngày 20/10/2010 thì hai bên có ngồi đối chiếu lại sổ sách thì số tiền bà N nợ là 20.625.000 đồng, bà N hứa khi nào bán được đất sẽ trả đủ tiền vốn và lãi cho bà Bé B, nhưng chờ mãi mà bà N vẫn không bán đất trả tiền. Ngày 21/7/2015 bà Bé B và bà N làm biên nhận chốt số tiền bà N còn nợ

20.625.000 đồng và bà N đồng ý cuối năm 2015 sẽ trả đủ cả vốn và lãi (lãi suất 3%/tháng). Tuy nhiên bà N cứ hứa hẹn nhiều lần nhưng không thực hiện. Nay bà Bé B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả số tiền còn nợ 20.625.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 21/7/2015 cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn Nguyễn Thị N vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên bị đơn có cung cấp bản tự khai thừa nhận còn nợ tiền theo như biên nhận nợ của bà Bé B. Sau khi vay do bà N thường bị bệnh đến nay cũng già yếu, sống chủ yếu nhờ vào các con nên chưa có điều kiện trả tiền cho bà Bé B. Nay bà Bé B khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền vay thì bà N cũng đồng ý nhưng xin trả dần cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự - vay tài sản” theo Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Bà Phan Thị Bé B yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả số tiền đã vay 20.625.000 đồng, trả 01 lần trong thời gian sớm nhất, bà N xin trả dần cho đến khi hết nợ. Do các bên không thống nhất được cách trả nợ nên phát sinh tranh chấp.

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 20.625.000 đồng. Căn cứ vào biên nhận nợ gốc ngày 21/7/2015 do nguyên đơn cung cấp có chữ ký của bị đơn Nguyễn Thị N, cùng sự thừa nhận của bị đơn tại bản tự khai, Hội đồng xét xử xác nhận bà N có vay 20.625.000 đồng của bà Bé B là đúng sự thật theo quy định tại Điều 92, Điều 94 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tình tiết sự kiện không cần chứng minh. Tại bản tự khai bà N cho rằng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin hẹn khi nào con về có tiền nhiều thì trả nhiều, có tiền ít thì trả ít cho bà Bé B. Xét thấy việc bà N chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó việc nguyên đơn Phan Thị Bé B khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả số tiền còn nợ 20.625.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy

định tại Điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015.

[3.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Căn cứ vào Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc ngân hàng nhà nước quy định lãi suất cơ bản bằng đồng tiền Việt Nam là 9%/năm (tương đương 0.75%/tháng). Như vậy từ ngày vay 21/7/2015 đến ngày 31/12/2016 (Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực) được tính, cụ thể: $20.625.000 \text{ đồng} \times 0.75\% \times 01 \text{ năm } 05 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 2.681.250 \text{ đồng}$.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 áp dụng mức lãi suất 10% năm tương đương với 0,83%/tháng để tính. Cụ thể từ 01/01/2017 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 06/7/2020 (Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực) là $20.625.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 03 \text{ năm } 06 \text{ tháng } 05 \text{ ngày} = 7.218.406 \text{ đồng}$

Tổng cộng vốn và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 30.524.656 đồng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do bị đơn Nguyễn Thị N là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 476 Bộ luật dân sự 2005; Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị Bé B

[2] Buộc bị đơn Nguyễn Thị N trả cho nguyên đơn Phan Thị Bé B số tiền 30.524.656 đồng. (trong đó 20.625.000 tiền vốn và 9.899.656 đồng tiền lãi).

[3] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn Nguyễn Thị N được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn Phan Thị Bé B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí theo đã nộp 515.625 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[5] *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

[6] Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 06/7/2020). Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND nơi bị đơn cư trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- CCTHADS thị xã Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

đã ký

Đào Thị Thủy